

DANH SÁCH SINH VIÊN THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN
GIỜ THI: 18H00 - NGÀY THI: 29/8/2025 - PHÒNG THI B002C

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	HỌ TÊN SINH VIÊN	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG
1	23211KT0702	CD23KT1	Nguyễn Quốc Đạt	71	54	385	260	645	B002C
2	22211OT3788	CD22OT17	Nguyễn Đắc Đạt	75	51	405	240	645	B002C
3	22211CK3287	CD22CK3	Lưu Tấn Đạt	77	42	420	185	605	B002C
4	23211MK3217	CD23MK3	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	73	62	395	305	700	B002C
5	22211CK2820	CD22CK4	Nguyễn Thành Đông	72	51	390	240	630	B002C
6	23211QT3881	CD23QT2	Nguyễn Ngọc Đức	62	49	325	225	550	B002C
7	23211KS2359	CD23KS1	Trần Thị Kim Dung	70	40	380	175	555	B002C
8	22211OT1077	CD22OT21	Nguyễn Quý Dương	49	77	245	390	635	B002C
9	23211OT2044	CD23OT8	Nguyễn Đức Duy	55	73	280	365	645	B002C
10	22211OT0908	CD22OT4	Nguyễn Quốc Duy	28	68	120	340	460	B002C
11	23211KD2698	CD23KD1	Tô Nhựt Duy	48	40	240	175	415	B002C
12	22211TT2279	CD22TT7	Phùng Trần Tiến Duy	37	79	170	395	565	B002C
13	22211TD1714	CD22TD1	Nguyễn Nhật Duy	39	88	180	435	615	B002C
14	20211DH2885	CD20DH3	Mai Quốc Duy	37	83	170	410	580	B002C
15	23211KS1313	CD23KS1	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	47	42	230	185	415	B002C
16	22211TC4039	CD22TC1	Cao Kỳ Duyên	51	74	255	370	625	B002C
17	21211OT1510	CD21OT8	Lê Đình Dỹ	35	88	160	435	595	B002C
18	23211DC4475	CD23DC4	Trương Hoài Giang	39	82	180	405	585	B002C
19	23211KT2600	CD23KT2	Nguyễn Thị Hương Giang	V	V	0	0	0	B002C
20	23211LH4253	CD23LH1	Trần Thị Giàu	39	35	180	145	325	B002C
21	23211KT1603	CD23KT4	Đào Thị Thu Hà	60	31	315	125	440	B002C
22	23211QT2728	CD23QT2	Trương Thị Kim Hà	71	35	385	145	530	B002C
23	23211KS0501	CD23KS1	Huỳnh Ngọc Hải	86	74	475	370	845	B002C
24	22211CK0605	CD22CK3	Lê Thanh Hải	71	40	385	175	560	B002C
25	21211DH0802	CD21DH4	Lê Thị Ngọc Hân	29	34	125	140	265	B002C
26	23211KT0075	CD23KT1	Đình Nguyễn Mỹ Hằng	53	49	270	225	495	B002C
27	23211TC4717	CD23TC1	Nông Trần Minh Hằng	72	32	390	130	520	B002C
28	22211TT2052	CD22TT10	Phùng Đình Hạnh	58	41	300	180	480	B002C
29	22211OT3786	CD22OT17	Nguyễn Văn Hạnh	50	38	250	160	410	B002C
30	22211OT3274	CD22OT14	Nguyễn Văn Hào	51	65	255	325	580	B002C
31	22211CK3586	CD22CK4	Nguyễn Tuấn Hào	48	85	240	420	660	B002C
32	22211OT2729	CD22OT11	Nguyễn Văn Hậu	47	31	230	125	355	B002C
33	23211DH2594	CD23DH3	Hoàng Thị Thu Hiền	35	48	160	220	380	B002C
34	23211TC4162	CD23TC1	Lê Thị Thu Hiền	46	38	225	160	385	B002C
35	23211LG4295	CD23LG2	Đặng Thị Thanh Hiền	45	40	220	175	395	B002C
36	23211KT2893	CD23KT2	Nguyễn Thị Thu Hiền	54	40	275	175	450	B002C
37	23211DH0306	CD23DH1	Lê Thị Mỹ Hiền	57	40	295	175	470	B002C
38	22211TT2806	CD22TT5	Võ Đình Hiệp	43	63	200	310	510	B002C
39	22211CK2551	CD22CK2	Nguyễn Thanh Hiệp	47	33	230	135	365	B002C
40	21211TT3876	CD21TT8	Trần Xuân Hiếu	45	53	220	255	475	B002C